

Bản án số: 182/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2018

V/v “Ly hôn giữa chị N và anh Q”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Phan Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 707/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-HPT ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: C13/26A ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Lâm Tú Q, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 240/7/61 đường N, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 16/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N trình bày: Chị và anh Lâm Tú Q tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 237, quyền số 01/2007 cấp ngày 04/12/2007), có 01 con chung tên: Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009.

Sau khi cưới, chị N và anh Q sống tại nhà gia đình chồng. Thời gian đầu, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không tìm hiểu nhau kỹ trước khi kết hôn nên không hòa hợp tính tình, thường xuyên xảy ra gây cãi nhưng hai bên đã hòa giải được. Do chị N không hòa hợp cuộc sống chung tại nhà chồng nên đến năm 2008 thì vợ chồng về nhà mẹ ruột ở Long An sinh sống. Trong sinh hoạt hàng ngày, anh Q đã không thể hiện trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình mà còn không tự lo được cho bản thân mình. Những việc nhỏ nhặt liên quan đến cá nhân anh Q không tự giác làm, chị N phải nhắc nhở thì anh mới làm. Bản thân chị N vừa phải lo gánh vác kinh tế trong gia đình, vừa nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xảy ra gây cãi, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị N đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện để anh Q sửa đổi tính tình nhưng không có kết quả. Từ tháng 10 năm 2016, chị N đã tự ly thân cho đến nay. Đến đầu tháng 10 năm 2017 thì anh Q chuyển về nhà mẹ ruột tại quận S sinh sống. Nay, chị Phạm Thị Kim N xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lâm Tú Q.

Về con chung: Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q có 01 con chung tên Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2017 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lâm Tú Q trình bày: Anh Q xác nhận lời trình bày của chị Phạm Thị Kim N về thời gian sống chung, con chung là đúng. Quá trình sống chung thì vợ chồng có bất đồng quan điểm nhưng sau đó đã tự hòa giải được, đến tháng 10 năm 2016 thì chị N nói rằng chị bị bệnh phụ khoa, không cho anh Q gần gũi trong sinh hoạt vợ chồng và đã ly thân cho đến nay. Anh Q có đề nghị đưa chị N đi khám và điều trị bệnh thì chị N không đồng ý. Đến tháng 8 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt do chị N muốn đi lễ chùa ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với bạn bè mà không muốn cho anh Q đi cùng. Trong khi đó, anh Q thì muốn đi chung để lạy Phật nên đã khiến chị N không vừa ý và vợ chồng có xảy ra gây cãi dẫn đến xô xát và mẹ của chị N đã đuổi anh ra khỏi nhà nhưng chị N không có phản ứng gì. Do đó, anh Q đã chuyển về nhà mẹ ruột ở Quận S để sinh sống. Nay anh Lâm Tú Q xác định vẫn còn tình cảm với chị Phạm Thị Kim N nên không đồng ý ly hôn. Theo anh Q thì anh nghi ngờ chị N có tình cảm với người đàn ông khác nên mới kiên quyết ly hôn, tuy nhiên, anh Q chưa thu thập được chứng cứ nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Về con chung: Giả sử trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Q có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009 cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lâm Tú Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, bị đơn anh Lâm Tú Q không đồng ý ly hôn. Giả sử trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì cả hai bên đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009 cho đến khi thành niên và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim N được ly hôn với anh Lâm Tú Q. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009 cho chị Phạm Thị Kim N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N đối với bị đơn anh Lâm Tú Q có nơi cư trú tại quận S nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q phát sinh từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10 năm 2016 do không hòa hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không có sự tin tưởng, không tôn trọng lẫn nhau, anh Q thường nghi ngờ chị N có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xảy ra gây cãi, không

còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân cho đến nay. Từ cuối năm 2016, chị N đã nhiều lần có nguyện vọng ly hôn anh Q nhưng chưa nộp đơn đến Tòa án để tạo cơ hội cho anh sửa đổi tính tình nhưng không có kết quả. Nay chị Phạm Thị Kim N xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lâm Tú Q.

Phía bị đơn anh Lâm Tú Q xác nhận từ tháng 10 năm 2016 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về tính tình, về quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra gây cãi dẫn đến xô xát và đã ly thân cho đến nay. Từ đầu năm 2017 vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn và sự xác nhận của bị đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N, anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về tính tình, về quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh Q thường nghi ngờ chị N có tình cảm với người đàn ông khác nhưng không đưa ra được chứng cứ, mặc dù chị N đã tạo điều kiện để anh Q sửa đổi tính tình, vợ chồng cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả. Từ tháng 10 năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt và đã ly thân cho đến nay. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng chị N, anh Q hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng không thành. Phía bị đơn anh Lâm Tú Q không đồng ý ly hôn nhưng không sửa đổi được tính tình, không thuyết phục được nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên lý do không đồng ý ly hôn của anh Q là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[5]. Về con chung: Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q đều có yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Minh T cho đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, chị N và anh Q đều có việc làm và thu nhập ổn định, cháu Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009 đang sống cùng chị Phạm Thị Kim N và có nguyện vọng được sống cùng mẹ thể hiện tại biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 04/01/2018. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009 cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q. Giấy chứng nhận kết hôn số 237, quyển số 01/2007 ngày 04/12/2007 do Ủy ban nhân dân phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lâm Minh T, sinh ngày 24/9/2009 cho chị Phạm Thị Kim N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; Chị Phạm Thị Kim N không yêu cầu anh Lâm Tú Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Tú Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Phạm Thị Kim N.

Anh Lâm Tú Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lâm Tú Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phạm Thị Kim N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lâm Tú Q.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028248 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chị Phạm Thị Kim N và anh Lâm Tú Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận S;
- CCTHADS quận S;
- UBND phường M, quận S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc